

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 611/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 09- 2017
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Ông Hoàng Đức Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 09 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 303/2017/QĐST- HNGĐ ngày 18 tháng 08 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986; đại chỉ: Thôn M, xã TĐ, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn M, xã TĐ, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn C trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 01 tháng 12 năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh Cường tại Thôn M, xã TĐ, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh

phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như công việc dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh Cường đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn nên vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Cường không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L trình bày vợ chồng chị có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh, sinh ngày 12 tháng 04 năm 2010 và Nguyễn Ngọc Oanh, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2012. Hiện nay con tên Nguyễn Ngọc Oanh đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, còn con tên Nguyễn Ngọc Anh đang do anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết để chị tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Ngọc Oanh và anh Nguyễn Văn C tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Ngọc Anh. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh Nguyễn Văn C vẫn không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L vắng mặt và có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L; tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự. Về con chung và tài sản chung đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao Giấy khai sinh của con Nguyễn Ngọc Anh và Nguyễn Ngọc Oanh; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân; biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện T, thành phố Hải Phòng; biên bản xác minh tại gia đình anh Nguyễn Văn C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như công việc dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do mâu thuẫn nên vợ chồng chị L anh Cường đã sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Nguyễn Thị L khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Văn C không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh Nguyễn Văn C. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh Nguyễn Văn C đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày về yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L. Tài liệu xác minh tại địa phương và gia đình mẹ đẻ anh Nguyễn Văn C thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn C đã kéo dài từ năm 2015 đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Cường đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Như vậy, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Cường đã kéo dài trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L trình bày vợ chồng chị có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh và Nguyễn Ngọc Oanh. Hiện nay con tên Nguyễn Ngọc Oanh đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, còn con tên Nguyễn Ngọc Anh đang do anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết để chị tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Ngọc Oanh và anh Nguyễn Văn C tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Ngọc Anh. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn C không có ý kiến trình bày về con chung. Tuy nhiên việc giao con

cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Tài liệu xác minh tại địa phương và gia đình mẹ đẻ anh Nguyễn Văn C thể hiện từ khi vợ chồng chị L và anh Cường sống ly thân nhau đến nay, chị Nguyễn Thị L là người trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Ngọc Oanh còn anh Nguyễn Văn C là người trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Ngọc Anh. Xét việc nuôi con của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn C đều đã ổn định và đảm bảo tốt về mọi mặt cho các con. Mặt khác, con tên Nguyễn Ngọc Anh có nguyện vọng được ở với bố là anh Nguyễn Văn C. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao con tên Nguyễn Ngọc Anh, sinh ngày 12 tháng 04 năm 2010 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng; giao con tên Nguyễn Ngọc Oanh, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Văn C chưa có ý kiến trình bày về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao con tên Nguyễn Ngọc Oanh, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao con tên Nguyễn Ngọc Anh, sinh ngày 12 tháng 04 năm 2010 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005536 ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã TĐ, huyện T, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sứ